

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2200107297 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
cấp lần đầu ngày 23/12/2009 và thay đổi lần thứ 5 ngày 12/08/2014)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET  **Securities**

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Bản công bố thông tin này và tài liệu liên quan sẽ được cung cấp tại:

Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng

- Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : (84.299) 3820943 Fax: (84.299) 3821278
- Website : www.soctrangwaco.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

- Địa chỉ : Số 8, Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : (84.24) 3928 8888 Fax: (84.24) 3928 9888
- Website : www.bvsc.com.vn
- Chi nhánh : Số 233, Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.28) 3914 6888 Fax: (84.28) 3914 7999

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Trần Thanh Nhân - Trưởng phòng TCHC
- Số điện thoại: (84.299) 3820943 - (84) 913109495

**ĐỂ ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ, BAN ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN CÔNG TY TNHH
MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM
KHẢO TÀI LIỆU NÀY TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ**



THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tổ chức có cổ phiếu được chào bán	:	Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng
Vốn điều lệ của tổ chức được chào bán	:	158.631.330.000 đồng
Số lượng cổ phần đang lưu hành	:	15.863.133 cổ phần
Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
Loại cổ phần bán đấu giá	:	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần bán đấu giá	:	965.713 cổ phần, chiếm 6,09% vốn điều lệ
Phương thức chào bán	:	Đấu giá công khai thông qua Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Giá khởi điểm bán đấu giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Bước giá	:	100 đồng
Bước khối lượng	:	1 cổ phần
Đối tượng tham gia	:	Các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng
Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa	:	965.713 cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu	:	100 cổ phần
Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua tối đa	:	965.713 cổ phần
Địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần	:	Tại các đại lý đấu giá
Thời gian đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc, nhận và nộp phiếu đấu giá, thời gian tổ chức đấu giá	:	Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng
Địa điểm tổ chức đấu giá:	:	Số 16 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Thời gian tổ chức đấu giá	:	10h00, ngày 31/07/2017
Đặt cọc	:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.



I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông **Hoàng Văn Công** Chức vụ: *Phó Trưởng ban, Phó Giám đốc Sở Tài chính*

2. Tổ chức chào bán: CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Ông **Đặng Văn Ngo** Chức vụ: *Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Ông **Võ Hữu Tuấn** Chức vụ: *Giám đốc*

(Theo Giấy ủy quyền số 02/2017/UQ-BVSC ngày 03/01/2017)

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng cung cấp.

II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa

Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Tên tiếng Anh: SOC TRANG WATER SUPPLY COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: SOCTRANGWACO

Trụ sở chính: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại: (0299) 3 820 943 Fax: (0299) 3 821 278

Mã số thuế: 2200107297

Website: <http://www.soctrangwaco.vn>

Email: info@soctrangwaco.vn

Logo:



2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009 và thay đổi lần thứ 5 ngày 12/08/2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước <i>Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch</i>	3600 <i>(chính)</i>
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai</i>	1104

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Với kinh nghiệm hơn 50 năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Công ty có những lợi thế nhất định về khách hàng và kinh nghiệm bán hàng và



cung cấp dịch vụ, đặc biệt là việc cung cấp nước sạch. Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu của Công ty cụ thể như sau:

a. Cung cấp nước sạch

Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng là doanh nghiệp có 100% nguồn vốn Nhà nước do UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu; thực hiện chức năng và phạm vi hoạt động chủ yếu là khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, đầu tư xây dựng các dự án cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân ở các địa bàn thành phố, thị trấn, các khu vực tập trung dân cư và những yêu cầu sử dụng nước cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của mọi đối tượng khách hàng theo chính sách giá do Nhà nước quy định

b. Cung cấp nước uống

Nước uống đóng chai SOTRACO - Một sản phẩm chất lượng cao của Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng. Nước uống đóng chai SOTRACO chính thức có mặt trên thị trường vào tháng 12/2010.

c. Các dịch vụ phụ trợ khác

Ngoài nhiệm vụ chính là khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, công ty còn đầu tư xây dựng các dự án cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của nhân dân ở các địa bàn thành phố, thị trấn, các khu vực tập trung dân cư.

4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
I. Phân theo trình độ lao động		
- Trên đại học	0	0%
- Đại học, cao đẳng	82	30,3%
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	179	66,0%
- Phổ thông trung học	10	3,7%
II. Phân theo hợp đồng lao động		
- Dài hạn	267	98,5%
- Ngắn hạn	4	1,5%

Nguồn: SOCTRANGWACO

5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, giá trị thực tế của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015 để cổ phần hóa được thể hiện như sau:

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp như sau:

- Tổng giá trị thực tế: **226.918.794.295** đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước: **158.631.333.491** đồng

(Đính kèm Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp)

6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

a. Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng:

Tại ngày 31/12/2015, Công ty cổ phần tiếp tục quản lý và sử dụng các địa điểm đất theo hình thức thuê đất với hình thức trả tiền hàng năm, đất nhận chuyển nhượng, giao đất có thu



tiền, đất Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, đất nhận bàn giao với tổng số 17 lô đất, tương đương với diện tích là 42.737,8 m²

Sau ngày 31/12/2015, do nhu cầu mở rộng nhà máy, công ty đã nhận chuyển nhượng đất và trả tiền thuê đất hàng năm gồm 4 lô đất với tổng diện tích là 5.697,3 m²

(Đính kèm Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất)

b. Thực trạng về tài sản cố định:

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán và đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 31/12/2015) như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách (*)		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá
A	TSCĐ đang dùng						
I	TSCĐ hữu hình	212.820	81.751	324.441	177.329	111.621	95.578
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	48.351	25.005	88.461	49.805	40.110	24.800
2	Máy móc thiết bị	28.484	10.462	28.484	17.502	0	7.040
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	134.184	45.459	205.695	108.902	71.511	63.443
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.119	671	1.119	966	0	295
5	TSCĐ Khác	682	154	682	154	0	0
II	TSCĐ thuê tài chính						
III	TSCĐ vô hình	2.791	2.791	0	0	-2.791	-2.791
IV	Chi phí XDCBDD	1.097	1.097	1.097	1.097	0	0
B	TSCĐ chờ thanh lý						
C	TSCĐ hình thành từ quỹ KT, quỹ PL						
D	TSCĐ bàn giao						
	TỔNG CỘNG	216.708	85.639	325.538	178.426	108.830	92.787

Nguồn: Bản tổng hợp TSCĐ tại ngày 31/12/2015 của hồ sơ xác định giá trị

7. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết của Công ty

- Công ty mẹ của tổ chức phát hành: **Không có**
- Danh sách Công ty con của tổ chức phát hành: **Không có**
- Danh sách Công ty liên kết của tổ chức phát hành:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Số 1 Châu Văn Tiếp, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa (giai đoạn 2013-2015)

8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

a. Sản lượng, sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm:

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ ba mảng hoạt động chủ yếu là:

- (i) Kinh doanh nước sạch;



- (ii) Kinh doanh nước uống;
- (iii) Các hoạt động phụ trợ khác.

Cơ cấu doanh thu trong từng lĩnh vực hoạt động qua các năm cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013		31/12/2014		31/12/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT
1	Doanh thu thuần	77.069	100%	91.760	100%	100.353	100%
1.1	Doanh thu tiền nước	72.372	93,91%	87.431	95,28%	95.075	94,74%
1.2	Doanh thu lắp đặt, chuyển nhượng	2.352	3,05%	1.840	2,01%	2.276	2,27%
1.3	Doanh thu nước uống đóng chai	2.345	3,04%	2.489	2,71%	2.865	2,85%
1.4	Doanh thu khác (phế liệu)	-	-	-	-	137	0,14%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	48	0,06%	31	0,03%	55	0,05%
3	Doanh thu khác	288	0,37%	536	0,58%	790	0,79%
	Tổng cộng	77.405		92.327		101.198	

Nguồn: SOCTRANGWACO

b. Nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu chính liên quan đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty là nước đầu vào, điện chiếu sáng, các hóa chất xử lý nước và các vật liệu xây dựng phục vụ cho việc thi công, duy tu và bảo trì đường ống... Do vậy, bất kỳ sự biến động giá cả của các mặt hàng nguyên vật liệu này sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của Công ty.

c. Chi phí sản xuất:

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013, 2014 và 2015 cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013		31/12/2014		31/12/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT
1	Giá vốn hàng bán	31.263	40,57%	36.200	39,45%	58.837	58,63%
1.1	Giá vốn tiền nước	28.885	37,48%	33.155	36,13%	55.368	55,17%
1.2	Giá vốn lắp đặt, chuyển nhượng	723	0,94%	1.167	1,27%	1.269	1,27%
1.3	Giá vốn nước uống đóng chai	1655	2,15%	1.878	2,05%	2.200	2,19%
2	Chi phí tài chính	6092	7,90%	3.709	4,04%	3.198	3,19%
3	Chi phí bán hàng	19806	25,70%	25.291	27,56%	12.639	12,59%



4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15425	20,01%	20.944	22,83%	19.193	19,13%
5	Chi phí khác	59	0,08%	111	0,12%	41	0,04%
	Tổng cộng	72.645		86.255		93.908	

Nguồn: SOCTRANGWACO

d. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất:

So với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực hiện nay, Công ty thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ ở mức trung bình ngành. Phương tiện vận tải của Công ty ngoài một số được sản xuất trước năm 2000, còn lại mới được đầu tư trong vòng 05 năm trở lại đây với nhiều phương tiện chuyên dùng phục vụ trong ngành nước. Để đảm bảo cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định, Công ty có tổ sửa chữa chuyên phục vụ việc sửa chữa nhỏ và thay thế phụ tùng cho các hệ thống ống cấp nước khi cần thiết. Máy móc thiết bị của tổ sửa chữa được trang bị tương đối đầy đủ.

đ. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Với đặc thù loại hình kinh doanh của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực cung ứng nước sạch, do đó Công ty chủ yếu tập trung thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu hao hụt. Trong tương lai, khi chuyển đổi qua công ty cổ phần trong điều kiện thuận lợi, dự kiến phát triển thêm một số dịch vụ về môi trường.

e. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Trong hoạt động kiểm tra chất lượng, Công ty áp dụng các tiêu chuẩn quy định cho từng loại sản phẩm, dịch vụ riêng biệt. Bên cạnh đó, quá trình làm việc được quản lý, giám sát thông qua nhật ký sản xuất, quy định chuyên ngành và bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 cũng như kết quả công việc. Ngoài công tác tự kiểm tra của Công ty, còn có sự phối hợp kiểm tra, giám sát của các phân hội của khách hàng để tiến hành nghiệm thu xác nhận chất lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ.

g. Hoạt động marketing:

Hoạt động Marketing vẫn được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng, thường xuyên quảng bá hình ảnh công ty thông qua các kênh công tác xã hội và đoàn thể trong tỉnh cũng như khu vực, tài trợ các hoạt động truyền thông địa phương...

h. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Từ khi thành lập cho đến nay, logo của Công ty được sử dụng thống nhất như sau:



Hiện tại, Công ty đang tiến hành đăng ký hình ảnh logo với Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và Công nghệ.

i. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:

STT	SỐ HĐ	TÊN ĐỐI TÁC	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ	THỜI GIAN
1	06/2016/HĐXL	Công ty TNHH Cấp Nước Hà Lan	Thi công công trình NMN KCN An Nghiệp - Sóc Trăng, công suất	6.011.006.000 đ	112 ngày



STT	SỐ HĐ	TÊN ĐỐI TÁC	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ	THỜI GIAN
			8.000m ³ /ngày; hạng mục: Cải tạo khu xử lý nước; Bể lắng, Bể lọc; Lắp đặt cụm xử lý sắt		
2	1008/HĐX D.2016	Công ty TNHH XD Đại Nam Mộc	Thi công công trình Văn phòng Công ty; hạng mục: xây dựng hàng rào Công ty đoạn giáp Bến xe; Đoạn hàng rào phía sau Công ty cạnh Hồ Nước Ngọt	357.574.000 đ	90 ngày
3	166/Hawaco. NM-CNST	Công ty CP Hawaco Miền Nam	Mua bán hàng hóa (Đồng hồ đo nước hiệu Multimag TM II DN 15mm cấp 6)	446.000.000 đ	45 ngày

Nguồn: SOCTRANGWACO

8.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD trong 3 năm trước khi cổ phần hóa**a. Tình hình tài chính:**

ĐVT: Triệu đồng

TÀI SẢN	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	19.810	20.071	23.486
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.881	5.792	3.816
1. Tiền	4.881	5.792	3.816
2. Các khoản tương đương tiền			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	10.511	7.588	8.142
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.453	7.412	7.665
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	986	116	327
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
6. Phải thu ngắn hạn khác	76	60	150
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-4		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
IV. Hàng tồn kho	4.406	6.585	9.859
1. Hàng tồn kho	4.406	6.585	9.859
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			



TÀI SẢN	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
V. Tài sản ngắn hạn khác	12	106	1.669
1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
2. Thuế GTGT được khấu trừ		95	1.086
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		11	583
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
5. Tài sản ngắn hạn khác	12		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	89.573	87.825	105.260
I. Các khoản phải thu dài hạn			
II. Tài sản cố định	84.430	75.096	84.542
1. Tài sản cố định hữu hình	82.796	73.025	81.751
- Nguyên giá	186.464	197.424	212.820
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-103.668	-124.399	-131.070
2. Tài sản cố định thuê tài chính			
- Nguyên giá			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
3. Tài sản cố định vô hình	1.634	2.070	2.791
- Nguyên giá	1.634	2.070	2.791
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
III. Bất động sản đầu tư			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	3.127	5.252	1.097
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.127	5.252	1.097
V. Đầu tư tài chính dài hạn	348	6.061	12.586
1. Đầu tư vào công ty con			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	348	6.061	12.586
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
VI. Tài sản dài hạn khác	1.668	1.418	7.035
1. Chi phí trả trước dài hạn	1.668	1.418	7.035
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
4. Tài sản dài hạn khác			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	109.383	107.896	128.747



TÀI SẢN	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
NGUỒN VỐN			
C. NỢ PHẢI TRẢ	62.350	56.322	68.287
I. Nợ ngắn hạn	19.490	16.764	28.948
1. Phải trả người bán ngắn hạn	2.113	2.239	7.204
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.678	1.499	352
4. Phải trả người lao động	2.825	7.090	7.345
5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
9. Phải trả ngắn hạn khác	1.484	1.013	1.560
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.746	-	5.700
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.644	4.923	6.787
13. Quỹ bình ổn giá			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
II. Nợ dài hạn	42.860	39.558	39.340
1. Phải trả người bán dài hạn			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
3. Chi phí phải trả dài hạn			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
5. Phải trả nội bộ dài hạn			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
7. Phải trả dài hạn khác	308	254	360
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	42.552	39.303	38.980
9. Trái phiếu chuyển đổi			
10. Cổ phiếu ưu đãi			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
12. Dự phòng phải trả dài hạn			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	47.033	51.574	60.459
I. Vốn chủ sở hữu	47.033	51.574	60.459
1. Vốn góp của chủ sở hữu	40.027	51.574	60.459



TÀI SẢN	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			
- Cổ phiếu ưu đãi			
2. Thặng dư vốn cổ phần			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	705	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
8. Quỹ đầu tư phát triển	6.301		
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			
- LNST chưa phân phối kỳ này		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
1. Nguồn kinh phí			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	109.383	107.896	128.747

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Tổng tài sản	109.383	107.896	128.747
Vốn chủ sở hữu	47.033	51.574	60.459
Doanh thu thuần	77.405	91.760	100.354
Lợi nhuận trước thuế	4.760	6.072	7.290
Lợi nhuận sau thuế	3.570	4.736	5.686
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	3,26%	4,39%	4,42%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	7,59%	9,18%	9,41%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	4,61%	5,16%	5,67%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015

8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo

a. Những thuận lợi:

- SOCTRANGWACO nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh



Sóc Trăng, các Sở, ban, ngành của tỉnh và chính quyền các cấp ở địa phương, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được cấp trên giao hàng năm.

- Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc, các tổ chức đoàn thể quần chúng, cùng tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty luôn đoàn kết nhất trí trong công tác lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh.
- Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.
- Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình công tác.
- Các dự án đầu tư có nguồn vốn lớn được vay từ nguồn vốn ODA và vay nguồn vốn đối ứng từ các tổ chức tín dụng trong nước để đầu tư để giảm áp lực về vốn cho Công ty.

b. Những khó khăn:

- Giá bán các sản phẩm, dịch vụ của công ty do UBND tỉnh Sóc Trăng quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu.... đầu vào liên tục tăng, nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành tăng sẽ mất nhiều thời gian từ khi cần điều chỉnh giá do các giai đoạn lập, trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế hoạt động, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Một số máy móc, thiết bị đang sử dụng đã được lắp đặt từ nhiều năm trước chưa mang lại hiệu quả cao. Công ty đang có kế hoạch để đầu tư thay thế dần các máy móc thiết bị này, tuy nhiên việc đầu tư đòi hỏi nguồn vốn lớn, trong khi đó nguồn vốn có giới hạn.
- Địa bàn các khu dân cư của tỉnh nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung, Công ty đang gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư, do vậy để đáp ứng nhu cầu của dân cư cần có sự hỗ trợ vốn từ ngân sách Nhà nước cho các thành phố, thị xã và các huyện để phát triển.
- Đối với các dự án đầu tư có nguồn vốn vay ODA, thì phát sinh chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, điều này nằm ngoài sự quản lý điều hành của công ty.
- Đa số CB.CNV có nhiều kinh nghiệm nhưng trình độ chưa đồng đều, cán bộ kỹ thuật được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau còn thiếu thực tiễn, trình độ quản lý còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh.
- Hiện tượng ngập mặn ngày càng trở nên trầm trọng đã ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước của công ty, làm cho chi phí sản xuất tăng cao trong xử lý cũng như tìm kiếm các nguồn nước khác để thay thế.

9. Vị thế của Công ty so với các công ty khác cùng ngành

Công ty hiện đang quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, là địa bàn hoạt động không có sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành và hiện nay là đơn vị cấp tỉnh có dự án sử dụng vốn vay ODA của nước ngoài.

Một số thành tựu đã đạt được góp phần khẳng định vị thế của Công ty như:

- Huân chương Độc lập hạng III (QĐ số 431/KT/CTN ngày 07/3/2013)
- Huân chương Lao động hạng I (QĐ số 1624/QĐ.CTN ngày 30/10/2009);
- Huân chương Lao động hạng II (QĐ số 430/QĐ.CTN ngày 09/7/2003);
- Huân chương Lao động hạng III (QĐ số 298/KT/CTN ngày 24/09/1998);
- Cúp vàng Thương hiệu - Nhãn hiệu năm 2009 do Ban Tổ chức gồm các Bộ ngành Trung ương trao tặng;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2004-2006 (Quyết định số 1332/QĐ-TTg ngày 03/10/2007);



- Đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc và được Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc 10 năm liên tục 2006-2015;
- Nhiều Bằng khen của UBND tỉnh và các ban ngành, đoàn thể khen tặng;
- Đảng bộ cơ sở đạt danh hiệu tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, tiêu biểu 20 năm liên tục và từ năm 1996-2016, là Đảng bộ tiêu biểu của Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh Sóc Trăng;
- Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh đạt danh hiệu vững mạnh nhiều năm liên tục và từ năm 1996-2016 được đoàn thể cấp trên công nhận đạt danh hiệu Vững mạnh xuất sắc;
- Công ty đạt được nhiều Cờ Thi đua xuất sắc của Bộ, ngành, UBND tỉnh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và nhiều Bằng khen của các Bộ, ngành Trung ương; Hội Cấp thoát nước Việt Nam.

Bên cạnh đó, quá trình tập trung dân cư và đô thị hóa đang diễn ra trên địa bàn tỉnh đã thúc đẩy nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng. Các cấp ủy Đảng và chính quyền luôn quan tâm đến việc mở rộng phạm vi cung cấp nước nhằm phục vụ tốt hơn đời sống nhân dân đã làm cho lĩnh vực hoạt động của Công ty hứa hẹn tiềm năng phát triển trong tương lai.

10. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

a. Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa:

Thực hiện Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng. Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, công ty xây dựng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đầu tư, phát triển của công ty cổ phần như sau:

**** Mục tiêu***

Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty theo hướng kinh doanh đa ngành nghề, trong đó tập trung 03 lĩnh vực kinh doanh chính: Cung cấp nước sạch, sản xuất nước uống đóng chai, dịch vụ phụ trợ liên quan,... trong đó sản phẩm dịch vụ nước sạch là ngành kinh doanh nền tảng để phát triển bền vững.

Xây dựng Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

**** Định hướng:***

Hợp tác, liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, thị trường, về năng lực quản trị... nhằm tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả kinh doanh hơn.

**** Kế hoạch sản xuất kinh doanh:***

Kế hoạch kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên một số các cơ sở và dự báo như sau:

- Công ty là đơn vị có truyền thống, hoạt động uy tín và hàng năm được các cấp chính quyền địa phương tin tưởng giao thực hiện cung cấp các dịch vụ sản phẩm nước sạch trên địa bàn tỉnh và các vùng phụ cận.

- Các dự án của Công ty đang dần đi vào vận hành và hoạt động, mặc dù tạo ra thách thức không nhỏ trong việc đảm bảo hiệu quả kinh doanh nhưng nếu tạo ra sản phẩm tốt, cạnh tranh và phát triển được thị trường sẽ đóng góp tốt vào kết quả kinh doanh của công ty.



- Các yếu tố sau thời gian dài biến động như: Chi phí xăng dầu, điện nước, tiền lương và các khoản trích theo lương của người lao động... đến nay đã dần đi vào ổn định làm giảm áp lực chi phí của công ty;

- Chính sách ưu đãi miễn tiền thuế đất theo quy định của Chính phủ đối với ngành sản xuất và cung cấp nước;

Trên cơ sở dự báo, nhận định trước tình hình mới, mục tiêu và nguồn lực mới, và kế thừa các kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được, Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh với sự đồng tình, nhất trí cao của người lao động và Ban lãnh đạo Công ty.

b. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hóa:

*** Chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:**

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Vốn điều lệ	158.631	158.631	158.631
2	Doanh thu thuần	125.000	132.000	138.000
3	Giá vốn hàng bán	67.200	70.500	73.500
4	Lợi nhuận gộp	57.800	61.500	64.500
5	Chi phí bán hàng	19.300	20.270	21.000
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.000	31.230	31.500
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	8.500	10.000	12.000
8	Lợi nhuận trước thuế	8.500	10.000	12.000
9	Thuế TNDN	1.700	2.000	2.400
10	Lợi nhuận sau thuế	6.800	8.000	9.600
11	Thu nhập bình quân (đồng/người)	8.600.000	8.800.000	9.000.000

*** Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện**

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2017-2019 đã đề ra. Công ty đã đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

- **Giải pháp về tài chính - vốn:** Cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, cân đối đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thoái vốn tại các đơn vị kinh doanh kém hiệu quả. Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; thực hiện tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nhằm bảo toàn và phát triển vốn. Tích cực tìm kiếm đối tác để triển khai các dự án đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm phát huy lợi thế thương mại tại các khu đất mà Công ty được giao quản lý sử dụng để tạo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

- **Giải pháp về quản trị:** Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả; Hệ thống hoạt động cơ bản và các mặt trọng yếu tại các đơn vị thành viên và liên kết. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp. Tiếp tục liên kết với các đối tác chiến lược có thế mạnh và uy tín để cùng phát triển. Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động tại công ty có vốn góp của Công ty để có những biện pháp kịp thời nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn đã đầu tư.



- **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:** Thực hiện thường xuyên công tác đánh giá phân loại cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ theo yêu cầu đúng quy định. Rà soát thay đổi nhân sự, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý phù hợp thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả làm việc. Đổi mới thực sự công tác tuyển dụng, đào tạo và quản lý hiệu quả nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2017-2019 và định hướng đến năm 2020.

11. Vốn điều lệ

a. Cơ sở xây dựng vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông:

Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp giá trị phần vốn nhà nước của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng để thực hiện cổ phần hóa, giá trị thực tế của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015 là **226.918.794.295** đồng.

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại công ty: **158.631.333.491** đồng (trong đó có giá trị lợi thế kinh doanh của công ty là 2.594.277.378 đồng)

* Vốn điều lệ công ty cổ phần:

Để đảm bảo hiệu quả hoạt động hoạt sản kinh doanh dựa trên việc tái cơ cấu nhằm tạo ra một cấu trúc tài chính lành mạnh làm tiền đề cho sự phát triển ổn định và bền vững của công ty sau khi chuyển đổi đồng thời tạo nguồn vốn chủ động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã xác định nhu cầu vốn điều lệ của công ty cổ phần như sau:

- Vốn điều lệ : **158.631.330.000** đồng;
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần;
- Số lượng cổ phần : **15.863.133** cổ phần.

* Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng để thực hiện cổ phần hóa và Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước và danh mục doanh nghiệp Nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020, Công ty đề xuất xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức **49,00%** vốn điều lệ. Cụ thể như sau :

STT	Danh mục	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	49,00%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	4,86%
3	Cổ phần bán ưu đãi cho Công đoàn	0,05%
4	Cổ phần bán ra bên ngoài	46,09%
	Tổng cộng:	100,00%

b. Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần:

Trong 3 năm sau cổ phần hóa từ năm 2017-2019, Công ty có kế hoạch duy trì mức vốn điều lệ là 158.631.330.000 đồng, bằng mức vốn điều lệ khi Công ty cổ phần hoá.

12. Rủi ro dự kiến

a. Rủi ro về luật pháp:

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của nhiều văn



bản pháp luật khác nhau như: Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, các Luật về thuế... Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, nếu các chính sách, hệ thống pháp luật của nhà nước được ban hành một cách đồng bộ, chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình thực tiễn sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nói chung và của Công ty nói riêng được thuận lợi hơn.

b. Rủi ro của đợt chào bán:

Đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng không được bảo lãnh nên sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

c. Rủi ro khác:

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... làm cho thị trường bị giảm sút và các thị trường tiềm năng mất ổn định. Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

a. Phương thức bán (Số lượng và tỷ lệ cổ phần dự kiến chào bán):

Stt	Danh mục	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	49,00%	7.772.935	77.729.350.000
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	4,86%	771.300	7.713.000.000
2.1	Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	1,91%	302.600	3.026.000.000
2.2	Cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài	2,95%	468.700	4.687.000.000
3	Cổ phần bán ưu đãi cho Công đoàn	0,05%	7.932	79.320.000
4	Cổ phần bán ra bên ngoài	46,09%	7.310.966	73.109.660.000
4.1	Nhà đầu tư chiến lược	40,00%	6.345.253	63.452.530.000
4.2	Cổ đông bán thông qua đấu giá	6,09%	965.713	9.657.130.000
	Tổng cộng:	100,00%	15.863.133	158.631.330.0

b. Phương thức chào bán và giá chào bán:

*** Đối với người lao động:**

- Người lao động đăng ký mua tại Công ty và nộp tiền tại phòng Kế toán - Tài vụ của Công ty hoặc nộp tiền trực tiếp vào tài khoản phong tỏa của Công ty.
- Thông tin tài khoản phong tỏa:
 Tên tài khoản: **TIỀN THU VỀ CỔ PHẦN HÓA - CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**
 Số tài khoản: **005987980003**
 Tại: **Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt CN Sóc Trăng**
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt đấu giá công khai.

*** Đối với tổ chức công đoàn:**

- Người đại diện đăng ký và nộp tiền tại phòng Kế toán - Tài vụ của Công ty hoặc nộp tiền trực tiếp vào tài khoản phong tỏa của Công ty.



15. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty trước khi đăng ký mua cổ phần. Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu đã được kiểm toán (hoặc soát xét) do Công ty cung cấp và được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty.

Trân trọng./.

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 6 năm 2017

TM. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
KT. TRƯỞNG BAN
Phó Trưởng ban Thường trực



Lê Trọng Sơn

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 6 năm 2017

DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
Chủ tịch, Tổng Giám đốc



Đặng Văn Ngo